TÒA PHÚC THẨM TANDTC TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 98/2025/HC-PT Ngày 10/9/2025 V/v Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thành Quang

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Mạnh Hùng;

Bà Nguyễn Ngọc Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Chuyền - Thư ký viên.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hoàng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10/9/2025, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội, mở phiên tòa công khai, xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 200/2025/TLPT-HC ngày 10/3/2025 về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai*" do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày 11/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang), theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2523/2025/QĐ-PT ngày 27/8/2025 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1943; địa chỉ: Xã V, tỉnh Tuyên Quang (địa chỉ cũ: Khu tập thể B, tổ 11, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang); vắng mặt tại phiên tòa.

+Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Nguyễn Việt H, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn 11, xã V, tỉnh Tuyên Quang (địa chỉ cũ: Tổ 11, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang); có mặt tại phiên tòa.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang.

+ Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện: Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Tuyên Quang; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Tô Văn K, sinh năm 1960 và bà Phan Thị K1, sinh năm 1962; địa chỉ: Xã P, tỉnh Tuyên Quang (địa chỉ cũ: Thôn N, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang); vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/10/2023, các Đơn khởi kiện bổ sung và quá trình tố tụng, người khởi kiện ông Nguyễn Văn T, người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Việt H, ông Nguyễn Văn T1 trình bày:

Năm 1966, gia đình ông T từ dưới xuôi lên khai hoang vùng kinh tế mới tại xã P, huyện V, đã được Uỷ ban nhân dân (gọi tắt là UBND) xã P cấp đất cho gia đình canh tác, sử dụng, trong đó có khu vườn rừng hiện đang có tranh chấp, có các hộ liền kề, phía đông giáp đỉnh đồi, phía bắc giáp đất ông Phí Đình G và ông Trần Văn L, phía nam giáp đất ông Phí Đình G, ông Lục Văn Ng, phía tây giáp đường liên xã P, L. Các hộ gia đình sử dụng ổn định không có tranh chấp. Ngày 16/12/2008, vợ chồng ông T được UBND huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (gọi tắt là GCNQSDĐ) số AO 7818xx, diện tích đất là 11.850 m^2. Diện tích đất nằm trong GCNQSDĐ của gia đình ông T được đào hào xác định ranh giới với các hộ xung quanh. Khoảng năm 2016-2017, ông Tô Văn K, địa chỉ thôn N, xã P, huyện V đến khu đất rừng của nhà ông T cắm cọc để xác định ranh giới và cho rằng khu đất có một phần là đất nhà ông K nên hai nhà phát sinh tranh chấp. Năm 2020, khi hoà giải tại xã P, ông T mới biết vợ chồng ông K đã được cấp GCNQSDĐ đối với khu vực đất mà ông K cắm cọc ranh giới. Vụ việc đã được UBND xã P, UBND huyện V hoà giải nhiều lần nhưng không thành.

Năm 2021, ông T đã khởi kiện yêu cầu huỷ GCNQSDĐ của vợ chồng ông K do vẽ sai sơ đồ, chồng chéo lên đất của nhà ông T, thửa đất nhà ông K nằm trong GCNQSDĐ số AO 8151xx của vợ chồng ông K nằm ở thôn N, không phải thôn M. Khi đó, UBND huyện V đề nghị ông T rút đơn khởi kiện để UBND huyện V xem xét lại trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ cho ông K nên ông T đã rút Đơn khởi kiện để chờ UBND huyện V giải quyết. UBND huyện V có rất nhiều văn bản yêu cầu Phòng Tài nguyên và môi trường (gọi tắt là TN&MT) huyện V nhưng Phòng TN&MT huyện V không giải quyết.

Nay ông T khởi kiện đến Toà án nhân dân (gọi tắt là TAND) tỉnh Hà Giang, yêu cầu hủy bỏ GCNQSDĐ số AO 8151xx ngày 16/12/2008 của UBND huyện V cho vợ chồng ông Tô Văn K, bà Phan Thị K1 với diện tích 3.196m^2. Căn cứ yêu cầu hủy GCNQSDĐ là đất gia đình ông sử dụng ổn định từ năm 1967, có đào hào phân định ranh giới, không có tranh chấp với ai.

Gửi kèm Đơn khởi kiện, người khởi kiện giao nộp các tài liệu chứng cứ sau: 1. Bản sao GCNQSDĐ số AO 7818xx mang tên ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L; 2. GCNQSDĐ số AO 8151xx ngày 16/12/2008 của UBND huyện V cho vợ chồng ông Tô Văn K, bà Phan Thị K1; 3. Công văn số 2553/UBND-TN&MT ngày 20/10/2023 của UBND huyện V; 4. Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 01/2022/QĐST-HC ngày 01/3/2022 của TAND tỉnh Hà Giang.

Người bị kiện UBND huyện V, tỉnh Hà Giang tại văn bản ghi ý kiến số 1540/ UBND-TNMT ngày 02/7/2024, biên bản đối thoại ngày 30/7/2024 có ý kiến: Đối với khu vực đất có tranh chấp giữa ông T và ông K đã được UBND thị xã H (thời điểm đó xã P thuộc địa giới hành chính của thị xã H) ban hành Quyết định 863/QĐ-UB ngày 28/8/2000 về việc giải quyết khiếu nại của công dân, huỷ bỏ 03 sổ lâm bạ, thu hồi tổng diện tích đất lâm nghiệp 1,1ha đã cấp cho 3 hộ gia đình (gồm gia đình ông T, ông K, ông T2 con trai ông T) tại thôn M, xã P do việc

cấp sổ lâm bạ cho 3 hộ gia đình không đúng trình tự, chồng chéo, chưa phù hợp với nhu cầu sử dụng đất của các hộ. Ngày 04/3/2002, UBND thị xã H tiếp tục ban hành Quyết định 236/QĐ-UB về việc giải quyết khiếu nại của công dân, giữ nguyên nội dung Điều I của Quyết định số 863/QĐ- UB ngày 28/8/2000 và điều chỉnh giao đất lâm nghiệp cho hộ ông Nguyễn Văn T, diện tích 7.325m^2, giao cho hộ ông K 3.175m^2 tại thôn M, xã P, thị xã H, nay thuộc thôn M, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang.

Ngày 13/5/2004, UBND thị xã H đã cấp GCNQSDĐ số V 920142 cho ông Tô Văn K tại thửa số 94, tờ bản đồ số 6, diện tích 3.061m^2, địa chỉ thửa đất tại thôn M, xã P, thị xã H, tỉnh Hà Giang.

Ngày 16/12/2008, UBND huyện V cấp đổi GCNQSDĐ cho ông Tô Văn K từ GCNQSDĐ số V 9201xx sang GCNQSDĐ số AO 8151xx, thửa 771, tờ bản đồ lâm nghiệp số 2, diện tích 3.196m^2 địa chỉ thửa đất ghi trên GCNQSDĐ là thôn N, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang. Năm 2021, ông T và ông K tiếp tục có tranh chấp thửa đất nói trên và có đề nghị UBND huyện V giải quyết. Quá trình giải quyết tranh chấp, UBND huyện V phát hiện địa chỉ thửa đất 771 ghi trong GCNQSDĐ số AO 8151xx của vợ chồng ông K ghi sai địa chỉ thửa đất. Ngày 22/10/2021, UBND huyện V đã đính chính lại thửa đất từ thôn N thành thôn M theo quy định tại khoản 1, Điều 106 Luật Đất đai 2013; Điều 86 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

Về quan điểm của UBND huyện V không nhất trí đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc huỷ GCNQSDĐ số AO 8151xx của vợ chồng ông K, lý do:

- Về thẩm quyền cấp GCNQSDĐ: GCNQSDĐ số AO 8151xx của vợ chồng ông K được cấp đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật Đất đai 2003.

- Về trình tự, thủ tục: UBND thị xã H đã cấp GCNQSDĐ số V 9201xx cho hộ ông Tô Văn K tại thôn M. Năm 2008, theo chương trình cấp GCNQSDĐ đồng loạt, UBND xã P đã hướng dẫn gia đình ông K lập hồ sơ kê khai cấp đổi GCNQSDĐ nên UBND huyện V cấp đổi GCNQSDĐ cho ông K theo đúng quy định tại Điều 144 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ.

- Về nội dung, hình thức cấp GCNQSDĐ: Việc thể hiện các thông tin, nội dung trên GCNQSDĐ được thực hiện theo Quyết định số 24/2004/QĐ-BTNMT ngày 01/11/2004 và Quyết định số 08/2006/QĐ-BTNMT ngày 21/7/2006 của Bộ Tài nguyên và môi trường ban hành về GCNQSDĐ.

Kèm theo văn bản ghi ý kiến, người bị kiện giao nộp các tài liệu chứng cứ sau: 1. Hồ sơ cấp GCNQSDĐ của hộ ông Tô Văn K, bà Phan Thị K1; 2. Hồ sơ cấp GCNQSDĐ hộ ông Nguyễn Văn T bà Nguyễn Thị L; 3. Công văn số 2553/UBND-TN&MT ngày 20/10/2023 của UBND huyện V.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Tô Văn K, bà Phan Thị K1, người đại diện theo uỷ quyền ông Đỗ Thanh H1, bà Tô Thị K2 tại các bản tự khai và quá trình tố tụng có ý kiến: Khu đất đang có tranh chấp giữa ông K và ông T có nguồn gốc là của ông cha ông K để lại, gia đình đã quản lý từ trước năm 1945.

Bản thân ông K cũng được sinh ra ở thôn M, gần với khu đất tranh chấp. Năm 1962, gia đình ông K chuyển đến sinh sống ở thôn N (giáp với thôn M), nhưng vẫn tiếp tục quản lý khu đất. Năm 1966, khi gia đình ông T từ dưới xuôi lên khai hoang, bố ông K đã cho ông T sử dụng phần lớn khu đất vườn rừng của gia đình ông ở thôn M, chỉ giữ lại một phần đất có mồ mả của ông cha và một số cây lâu năm là cây cọ, xoan, chè...

Năm 1999-2000, ông T cho san ủi khu đất của gia đình ông K nên đã xảy ra tranh chấp. Ông K đã khiếu nại đến UBND thị xã H đề nghị giải quyết. Tại các Quyết định giải quyết khiếu nại số 863/QĐ-UB ngày 28/8/2000 và Quyết định số 236/QĐ-UB ngày 04/3/2002 của UBND thị xã H đã quyết định phân chia khu đất cho nhà ông K 1 phần đất có mồ mả và cây cọ, nhà ông T được chia phần lớn khu đất. Sau khi có Quyết định giải quyết khiếu nại, giữa 2 bên gia đình không có tranh chấp, đất của ai người đó sử dụng.

Năm 2004, UBND thị xã H cấp GCNQSDĐ số V 9201xx cho hộ ông Tô Văn K tại thôn M, xã P. Năm 2008, theo chương trình cấp GCNQSDĐ đồng loạt, cấp đổi lại GCNQSDĐ theo đúng địa chỉ mới (thời điểm này xã P trực thuộc huyện V quản lý), UBND xã P đã hướng dẫn gia đình ông K lập hồ sơ kê khai cấp đổi GCNQSDĐ, đã được UBND huyện V cấp đổi thành GCNQSDĐ số AO 8151xx ngày 16/12/2008 cho ông K. Tuy nhiên, địa chỉ đất trong GCNQSDĐ lại ghi thôn N nhưng ông K không để ý. Năm 2021, ông T khởi kiện UBND huyện V và ông K ra TAND tỉnh Hà Giang, khi đó cơ quan chuyên môn huyện V rà soát lại hồ sơ cấp GCNQSDĐ mới phát hiện địa chỉ đất có sai sót nên ngày 22/10/2021, UBND huyện V đã đính chính lại địa chỉ thửa đất thành thôn M. Sau đó không hiểu vì lý do gì, ông T rút đơn khởi kiện.

Năm 2022, ông T cho chặt hết cây cối và san ủi phần đất của gia đình ông K nên ông K đã khởi kiện ông T ra Toà án nhân dân huyện V yêu cầu bồi thường thiệt hại cây cối. TAND huyện V đang giải quyết vụ việc thì ông T lại khởi kiện yêu cầu huỷ GCNQSDĐ số AO 8151xx ngày 16/12/2008 của ông K nên TAND huyện V phải tạm đình chỉ giải quyết vụ việc chờ TAND tỉnh giải quyết vụ án hành chính.

Quan điểm của ông K là không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T. Lý do: Đất của nhà ông K đã sử dụng từ đời ông cha, có mồ mả các cụ trên đất; UBND thị xã H đã giải quyết khiếu nại từ những năm 2000-2002, đã phân chia ranh giới rõ ràng, hai bên gia đình sử dụng không tranh chấp từ 2002 đến 2018; đất của cả hai nhà đều đã được nhà nước cấp GCNQSDĐ.

Ông K đã giao nộp cho Toà án những tài liệu: 1. Quyết định 863/QĐ-UB ngày 28/8/2000, Quyết định 236/QĐ-UB ngày 04/3/2002 về việc giải quyết khiếu nại của công dân của UBND thị xã H; 2. GCNQSDĐ số V 9201xx cho hộ ông Tô Văn K; 3. Bản đồ giao đất cho hộ ông T, ông K kèm theo Quyết định 236/QĐ-UB ngày 04/3/2002; 4. Văn bản số 2101/UBND-TN&MT ngày 21/10/2021 của UBND huyện V; 5. GCNQSDĐ số AO 8151xx ngày 16/12/2008 cho ông K, bà K1.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày 11/9/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang đã quyết định: Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 348, khoản 1 Điều 358 Luật Tố tụng hành chính; khoản 5 Điều 49, Điều 50, 52 Luật Đất đai 2003; Điều 106 Luật Đất đai 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016, xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 8151xx do UBND huyện V cấp ngày 16/12/2008 cho vợ chồng ông Tô Văn K, bà Phan Thị K1.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Văn T chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 5.000.000 đồng (đã thanh toán xong).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về án phí, thông báo quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/9/2024, người khởi kiện là ông Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; ông T đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Tháng 9/2024 mới phát hiện có Quyết định 863/QĐ-UB và Quyết định 236/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân thị xã H. Theo các quyết định này thì ông T đã cho đất anh T2 (là con trai) từ năm 1990; năm 1993, anh T2 đã xây dựng nhà. Như vậy, ông K tranh chấp đất với anh T2 chứ không phải với ông T. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để giải quyết sơ thẩm lại.

Quan điểm đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông K, bà K1 đúng trình tự, thủ tục, có căn cứ pháp lý, phù hợp với kết quả lồng ghép. Ông T cho rằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông K, bà K1 chồng lấn lên đất của ông T là không có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện cho người khởi kiện cho rằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông K, bà K1 không xâm phạm quyền lợi của ông T mà xâm phạm quyền lợi của anh T2 (là con trai ông T). Như vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện; đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào kết quả tranh tụng, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định theo đúng quy định tại các điều 205, 206, 209 Luật Tố tụng hành chính nên kháng cáo là hợp pháp, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tuy nhiên, phiên tòa đã được triệu tập nhiều lần, các đương sự

vắng mặt không có kháng cáo và đã được tống đạt giấy triệu tập, thông báo mở phiên tòa hợp lệ. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính tiếp tục giải quyết vụ án.

[3] Về đối tượng khởi kiện, ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu hủy bỏ GCNQSDĐ số AO 8151xx ngày 16/12/2008 của UBND huyện V cấp cho vợ chồng ông Tô Văn K, bà Phan Thị K1, Tòa án cấp sơ thẩm xác định GCNQSDĐ số AO 8151xx trên là quyết định hành chính bị khởi kiện là đúng.

[4] Về thời hiệu khởi kiện, ngày 07/10/2021, ông Nguyễn Văn T đã khởi kiện vụ án hành chính tại TAND tỉnh Hà Giang về việc yêu cầu huỷ GCNQSDĐ số AO 8151xx ngày 16/12/2008 của UBND huyện V cấp cho vợ chồng ông Tô Văn K, bà Phan Thị K1. Sau đó, ông T rút đơn khởi kiện, TAND tỉnh Hà Giang đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 01/2022/QĐST-HC ngày 01/03/2022. Tuy nhiên, sau khi rút đơn khởi kiện, ông T liên tục khiếu nại đến UBND huyện V. Tại Công văn số 2553/UBND-TN&MT ngày 20/10/2023, Chủ tịch UBND huyện V trả lời đơn khiếu nại của ông T, xác định GCNQSDĐ số AO 8151xx ngày 16/12/2008 của UBND huyện V cấp cho vợ chồng ông Tô Văn K, bà Phan Thị K1 là đúng đối tượng, nhưng sai địa chỉ thửa đất, đã được UBND huyện V đính chính địa chỉ thửa đất theo đúng quy định của pháp luật. Ngày 31/10/2023, ông T khởi kiện lại vụ án hành chính tại Toà án. Tòa án cấp sơ thẩm xác định việc khởi kiện của ông T bảo đảm yêu cầu về thời hiệu là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[5] Về thẩm quyền, trình tự thủ tục cấp GCNQSDĐ số AO 8151xx ngày 16/12/2008, thấy rằng: Tại Quyết định số 425 QĐ/UB ngày 13/5/2004, UBND thị xã H, tỉnh Hà Giang cấp GCNQSDĐ số V 9201xx cho ông Tô Văn K tại số thứ tự 11, địa chỉ thôn M, xã P, thị xã Hà Giang, loại đất vườn rừng, tờ bản đồ 6, thửa số 94, diện tích 3.061m^2. Tại Đơn xin cấp lại, cấp đổi GCNQSDĐ lập ngày 11/6/2008, ông K đề nghị UBND huyện V cấp đổi lại GCNQSDĐ số V 9201xx, thông tin thửa đất theo bản đồ địa chính mới là tại thửa 771, tờ bản đồ số 2, diện tích 3.196m^2, địa chỉ thửa đất tại thôn M. UBND huyện V căn cứ vào đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi GCNQSDĐ của ông K, Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất theo hiện trạng sử dụng và Biên bản giao đất lâm nghiệp ngoài thực địa lập ngày 14/5/2004 của UBND thị xã H để cấp GCNQSDĐ số AO 8151xx cho vợ chồng ông Tô Văn K, bà Phan Thị K1. Tòa án cấp sơ thẩm xác định GCNQSDĐ số AO 8151xx được cấp đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục là có cơ sở.

[6] Xét tính hợp pháp và tính có căn cứ của việc cấp GCNQSDĐ số AO 8151xx ngày 16/12/2008 của UBND huyện V cho vợ chồng ông Tô Văn K, bà Phan Thị K1, thấy rằng: Tại biên bản xác minh ngày 27/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang, cán bộ địa chính xã P, huyện V (BL216) cho biết: Căn cứ vào hồ sơ lưu trữ của UBND xã P về vụ việc tranh chấp giữa gia đình ông T và ông K thì nguồn gốc khu đất có tranh chấp giữa hai nhà là của ông cha ông K để lại. Khoảng từ năm 1960 đến 1964, gia đình ông K chuyển từ thôn M sang thôn N sinh sống, gia đình ông K được nhà nước vận động nhường lại một phần đất cho dân khai hoang, gia đình ông K chỉ giữ

lại một phần là khu đồi cọ đã có mồ mả để quản lý, sử dụng. Việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa gia đình ông T và ông K diễn ra từ lâu, UBND xã P đã hoà giải tổng cộng 4 lần, lần 1 năm 1999 do nhà ông T san đất làm nhà cho con trai nên ông K có đơn đề nghị hoà giải; lần 2 ngày 10/5/2000; lần 3 ngày 11/3/2002; lần 4 ngày 21/3/2019. Trong các tài liệu chứng cứ mà UBND xã P cung cấp cho Toà án có 02 Quyết định giải quyết khiếu nại của UBND thị xã H (QĐ 863/QĐ-UB ngày 28/8/2000, QĐ236/QĐ-UB ngày 04/3/2002) và Bản đồ giao đất vườn rừng cho ông T, ông K kèm theo.

[7] Các tài liệu, chứng cứ do UBND thành phố H cung cấp về hồ sơ cấp GCNQSDĐ và các giấy tờ liên quan đến việc tranh chấp QSDĐ giữa ông T, ông K (giai đoạn xã P vẫn trực thuộc địa giới hành chính thị xã H) (BL 371-384), có 02 Quyết định giải quyết khiếu nại và bản đồ giao đất, giao rừng giống như UBND xã P cung cấp; Quyết định số 425/QĐ-UB ngày 13/5/2004 của UBND thị xã H về việc cấp GCNQSDĐ cho công dân trên địa bàn thị xã H, trong danh sách cấp GCNQSDĐ có tên ông Tô Văn K.

[8] Như vậy, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện thửa đất nằm trong GCNQSDĐ số AO 8151xx cấp cho vợ chồng ông Tô Văn K, bà Phan Thị K1 có nguồn gốc trước đây là của ông cha ông K để lại. Khi gia đình ông T đến sinh sống ở thôn M đã được nhà nước giao cho một phần đất nhà ông K trước đây, một phần đất gia đình ông K làm nơi chôn cất mồ mả cha ông, một phần là lối đi lên khu vực có mồ mả. Giữa gia đình ông T và ông K đã phát sinh tranh chấp đất từ lâu, đã được UBND thị xã H giải quyết khiếu nại 2 lần có quyết định giải quyết khiếu nại, phân chia đất cho từng hộ từ năm 2002. Sau đó, hộ ông K đã được UBND thị xã H cấp GCNQSDĐ; năm 2008 UBND huyện V cấp đổi thành GCNQSDĐ số AO 8151xx có diện tích đất và hình thể thửa đất phù hợp với Bản đồ giao đất kèm theo Quyết định giải quyết khiếu nại năm 2002. Tòa án cấp sơ thẩm xác định việc UBND huyện V cấp GCNQSDĐ cho ông Tô Văn K, bà Phan Thị K1 là đúng đối tượng, phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 49 Luật Đất đai 2003 là có cơ sở.

[9] Trong GCNQSDĐ số V 9201xx ngày 13/5/2004, UBND thị xã H, tỉnh Hà Giang cấp cho hộ ông Tô Văn K, địa chỉ thửa đất là thôn M, xã P. Khi UBND huyện V cấp đổi thành GCNQSDĐ số AO 8151xx ngày 16/12/2008 lại ghi địa chỉ là thôn N, xã P. Ngày 22/10/2021, UBND huyện V đã đính chính GCNQSDĐ về địa chỉ thửa đất từ thôn N thành thôn M là đúng với vị trí, đúng địa giới hành chính của thửa đất. Hồ sơ đính chính GCNQSDĐ đảm bảo theo quy định tại Điều 106 Luật Đất đai 2013, Điều 86 Nghị định 43/2014 của Chính phủ.

[10] Tại kết quả lồng ghép các thửa đất tại mảnh trích đo địa chính số 09-2024 với thửa đất có tranh chấp giữa ông T và ông K tại tờ bản đồ địa chính số 2 thôn M thì thửa đất số 771 GCNQSDĐ số AO 8151xx của vợ chồng ông K và thửa đất số 772 GCNQSDĐ số AO 7878xx của vợ chồng ông T là phù hợp về hình thể thửa đất, diện tích đất. Ông T và những người đại diện theo uỷ quyền cho rằng GCNQSDĐ số AO 8151xx cấp cho vợ chồng ông Tô Văn K, bà Phan Thị K1 chồng chéo lên GCNQSDĐ số AO 7878xx ngày 16/12/2008 của vợ chồng ông T là không có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện cho người khởi kiện cũng trình

bày việc cấp GCNQSDĐ cho ông K, bà K1 chồng lấn lên đất của anh T2 (là con trai ông T).

[11] Từ những phân tích trên đây, có cơ sở để kết luận Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc huỷ GCNQSDĐ số AO 8151xx cho vợ chồng ông Tô Văn K, bà Phan Thị K1 là đúng. Tuy nhiên, trong phần quyết định, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên "Giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 8151xx do UBND huyện V cấp ngày 16/12/2008 cho vợ chồng ông Tô Văn K, bà Phan Thị K1" là chưa chính xác về thẩm quyền của Hội đồng xét xử; cần sửa lại cách tuyên để bảo đảm đúng quy định tại Điều 193 Luật Tố tụng hành chính.

[12] Về án phí hành chính phúc thẩm, ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, sửa quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày 11/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang), như sau:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 8151xx do UBND huyện V cấp ngày 16/12/2008 cho vợ chồng ông Tô Văn K, bà Phan Thị K1.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Văn T chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 5.000.000 đồng (đã thanh toán xong).

3. Về án phí: Miễn án phí hành chính sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn T. Trả lại cho ông T 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp (Bà Nguyễn Việt H nộp thay) theo Biên lai số 0000005 nộp ngày 30/11/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang).

Ông Nguyễn Văn T không phải nộp án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện Công tố và KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, P.HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Chu Thành Quang